

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2021/DS-PT

Ngày: 30/11/2021

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2021/TLPT-DS ngày 29/6/2021 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 372/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N (chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Trần Thị N (chết):

1. Ông Trần B; (có mặt)

2. Bà Trần Thị L; (vắng mặt)

3. Ông Trần Văn L; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

4. Bà Trần Thị N. Địa chỉ: thị xã C, tỉnh Phú Yên; (vắng mặt).

5. Bà Trần Thị T. Địa chỉ: xã Xuân Bình, thị xã C, tỉnh Phú Yên; (vắng mặt).

6. Bà Trần Thị H. Địa chỉ: thị xã C, tỉnh Phú Yên;

7. Bà Trần Thị H. Địa chỉ: tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà N, bà H, bà H: Ông Trần Văn L. (có mặt)

- *Bị đơn:* Trường Trung học cơ sở B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở B. Địa chỉ: Thôn C, xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (có đơn xin vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên. (có đơn xin vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái N (có mặt).

4. Ông Trần B. Địa chỉ: Thôn C, xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên; (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Trần B - người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Trần Thị N (chết).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trần B trình bày:

Năm 1972, bà Trần Thị N (mẹ ông B) được chính quyền chế độ cũ cấp diện tích đất 3.210m² thuộc thửa 0169M, tờ thứ 431, tọa lạc xã X nay là thôn C, xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên và cũng vào năm 1972, ông Trần B khai hoang thêm diện tích khoảng 21.000m². Từ đó gia đình bà N sử dụng và trồng 30 cây dừa và hàng năm đều trồng sắn mì. Năm 1976, Trường Trung học phổ thông (THPT) P (nay là Trường THCS B) mượn diện tích đất nói trên để làm sân bóng đá cho trường; Sau đó Trường THPT P chuyển đi nhưng không trả lại diện tích đất đã mượn. Nguyên đơn đã làm đơn gửi UBND xã X xin lại diện tích đất, nhưng UBND xã cho rằng đất của nhà trường. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Trường THCS B trả lại diện tích đất 23.175,6m² theo mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 12/2020 ngày 30/12/2020 (gồm diện tích đất theo chứng thư năm 1972 là 3.210m² và khai hoang 19.965,6m²), có giới cận: Phía Đông giáp chùa Hòa Hảo, phía Bắc giáp đường đất đỏ, phía Nam giáp sân sau của Trường THCS B, phía Tây giáp nghĩa địa và đồng thời yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND tỉnh đã cấp cho Trường THCS B.

Bà Trần Thị T, Trần Thị L, Trần Thị N, Trần Thị H, Trần Thị H và ông Trần Văn L đều trình bày: Chỉ yêu cầu Trường THCS B trả lại diện tích đất của bà N đã được chế độ cũ cấp 3.210m² mà Trường THCS B đã mượn từ năm 1977. Còn việc anh Trần B khai hoang kê khai thêm diện tích đất các ông, bà đều không liên quan.

Bị đơn Trường THCS B do ông Nguyễn Thanh T, Hiệu trưởng Trường THCS B trình bày:

Năm 2011, UBND tỉnh Phú Yên có Quyết định 1156/QĐ-UBND ngày 26/7/2011 về chuyển cơ sở vật chất và bộ phận giáo viên THCS của Trường phổ thông cấp 2-3 P về UBND thị xã C và đổi tên thành Trường THPT P thuộc Sở giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 về việc thu hồi điều chuyển cơ sở cũ và tài sản cố định của Trường phổ thông cấp 2-3 P giao cho Trường THCS B thuộc UBND thị xã C quản lý, sử dụng.

Trường THCS B đã tiếp nhận cơ sở vật chất theo các Quyết định trên trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 498999 của UBND tỉnh Phú Yên cấp, thửa đất số 01, tờ bản đồ 00, diện tích 45.626m²; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Trong quá trình sử dụng nhà trường luôn quản lý, trồng cây, đổ đường để phân ranh giới và tu bổ, xây dựng dần các hạng mục để phục vụ cho hoạt động dạy học và giáo dục của nhà trường.

Ngày 10/10/2018, ông Trần B (con trai của bà Trần Thị N) vào đất của nhà trường chiếm đất để trồng dừa, keo. Nhà trường đã báo cáo lãnh đạo UBND xã X trao đổi, giải thích để ông B hiểu và dừng lại. Nhưng sau đó ông B vẫn tiếp tục chiếm đất để thực hiện ý của mình.

Ngày 04/7/2019, nhà trường phối hợp với đơn vị thi công công trình, khi đơn vị thi công cắm cọc mốc và rải dây xác định phạm vi thi công thì ông Trần B đã nhổ bỏ, cản trở thi công.

Ngày 18/8/2019, nhà trường lại tổ chức khởi công thì ông Trần B lại cản trở việc thi công. Sự việc này đã được Công an xã yêu cầu nhà trường ngừng thi công để đảm bảo an ninh trật tự và Trường ngừng thi công. Sau đó ông Trần B tiếp tục phát dọn, đem trụ bê tông, gai bàn chải trồng ranh giới khu đất. Nhà trường có công văn kiến nghị các cấp quản lý giải quyết.

Ngày 23/10/2019, Phòng Giáo dục và đào tạo và Trường THCS Bùi Thị Xuân phối hợp với đơn vị thi công để tiến hành thi công. Khi đơn vị thi công tiến hành cắm cọc mốc và rải dây xác định phạm vi thi công thì ông Trần B tiến hành nhổ bỏ và đưa mẹ ông là bà Trần Thị N đến hiện trường. Đơn vị thi công tiếp tục phục hồi các cọc mà ông B nhổ thì ông B và bà N tiếp tục nhổ bỏ. Sự việc này đã được lập biên bản. Sau đó, Phòng Giáo dục và đào tạo và Trường THCS B dừng việc thi công.

Từ khi Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án đến nay, ông Trần B đã có những hành vi bất chấp quy định của pháp luật gây cản trở cho hoạt động dạy học và giáo dục của nhà trường.

Thửa đất của Trường THCS B đã được UBND tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng ổn định lâu dài, không ai tranh chấp từ năm 1976 đến nay. Trách nhiệm của Nhà trường là quản lý, sử dụng đất đúng mục đích. Do đó, Trường THCS B không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của nguyên đơn.

Những tổn thất, chi phí mà Nhà trường đã thực hiện trên diện tích đất kể từ ngày tranh chấp (như xây dựng, sửa chữa...), bên nguyên đơn phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Phú Yên có văn bản trình bày:

Ngày 25/8/2008, Trường cấp 2-3 P nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 45.626,0m² đất tại thôn C, xã X, huyện C (nay là thị xã C). Thành phần hồ sơ gồm:

Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng quỹ đất đang quản lý, sử dụng; Quyết định số 628/QĐ-UB ngày 30/8/1991 của UBND tỉnh Phú Yên V/v Thành lập Trường phổ thông cấp 2-3 Quang Trung.

Qua kiểm tra thành phần hồ sơ phù hợp với khoản 1 Điều 137 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Ngày 25/8/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, UBND xã X và Trường cấp 2-3 P kiểm tra hồ sơ, hiện trạng sử dụng đất của Trường xác định khu đất diện tích 45.626m², có giới cận: Đông giáp đường liên xã; Tây giáp khu dân cư; Nam giáp đường đi; Bắc giáp đường đi.

Đối chiếu diện tích 45.626m² mà Trường cấp 2-3 P xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hồ sơ địa chính lập năm 1993 xác định diện tích đất này bao gồm thửa đất số 277, diện tích 35.850,0m², tờ bản đồ số 19 (đo đạc năm 1993). Trong Sổ mục kê ruộng đất (UBND xã X xác nhận) ghi đất XD (Xây dựng), tên chủ sử dụng đất: Trường cấp 2-3 Quang Trung có giới cận phía Bắc giáp đất nghĩa địa và một phần diện tích của thửa số 105, diện tích 161.940,0m² (ký hiệu N), tờ bản đồ số 19. Trong Sổ mục kê ruộng đất (UBND xã X xác nhận) ghi N+ (nghĩa địa), chủ sử dụng đất UBND xã X. Tại thời điểm kiểm tra, Trường sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, khiếu nại.

Qua kết quả kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực địa, các đơn vị tham gia kiểm tra thống nhất đề nghị cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường.

Ngày 05/12/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường ký xác nhận đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận vào mục III của Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có Tờ trình số 623/TTr-STNMT ngày 05/12/2008 gửi UBND tỉnh Phú Yên ký Giấy chứng nhận.

Ngày 12/12/2008, UBND tỉnh Phú Yên ký cấp Giấy chứng nhận có mã số số AI 498999, thửa đất số 01, diện tích 45.626,0m², tờ bản đồ 00 tại thôn C, xã X, huyện C; mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở giáo dục đào tạo; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho Trường phổ thông cấp 2-3 P.

Năm 2016, đo đạc lập bản đồ địa chính tại xã X, khu đất Trường sử dụng được thể hiện là thửa đất số 132, tờ bản đồ số 105, diện tích 45.526,4m², loại đất DGD (cơ sở giáo dục, đào tạo), chủ sử dụng đất Trường THCS B và ghi vào Sổ mục kê đất đai được Sở Tài nguyên và Môi trường ký ngày 01/6/2016.

Như vậy, UBND tỉnh Phú Yên ký cấp Giấy chứng nhận cho Trường phổ thông cấp 2-3 P (nay là Trường THCS B) là đúng tri thủ tục quy định tại Điều 137 Nghị định số 181/2004/ND-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Do đó, việc bà Trần Thị N (chết tháng 12/2019) và người, kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị N (là ông Trần B) tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND tỉnh Phú Yên cấp cho Trường THCS B là không có cơ sở.

UBND xã X trình bày: Tại Công văn số 272/UBND ngày 26/5/2020, UBND xã X không lưu trữ bất cứ bản đồ nào về đất đai từ trước năm 1975 của chế độ cũ. Do đó, UBND xã X không xác định được vị trí thửa 0169M, tờ thứ 431 theo Chứng thư ngày 30/01/1972 mà bà Nguyễn Thị N cung cấp cho Tòa án (hiện nay bà Nguyễn Thị N đã chết). Phần diện tích đất tranh chấp đã được UBND tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 498999 ngày 12/12/2008, mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo cho Trường phổ thông cấp 2-3 P (nay là Trường THCS B).

Với nội dung nêu trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định.

Căn cứ Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N (đã chết) và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ông Trần B, bà Trần Thị T, Trần Thị L, Trần Thị N, Trần Thị H, Trần Thị H và ông Trần Văn L, yêu cầu buộc Trường THCS B trả lại quyền sử dụng đất 23.175,6m² và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AI 498999 ngày 12/12/2008 do UBND tỉnh Phú Yên cấp cho Trường phổ thông cấp 2-3 P (nay là Trường THCS B) với diện tích 45.626m², tọa lạc thôn C, xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Trường THCS B được quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận, quyền sử dụng đất số AI 498999 ngày 12/12/2008 do UBND tỉnh Phú Yên cấp thửa đất số 01, thuộc tờ bản đồ 00, có diện tích 45.626m²; mục đích sử dụng đất: đất cơ sở giáo dục đào tạo; có giới cận Đông giáp đường liên xã, Tây giáp khu dân cư, Nam giáp đường đi, Bắc giáp đường đi, địa chỉ thửa đất tại thôn C, xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên (Có bản đồ thửa đất kèm theo).

Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 348/2020/QĐ-BPKCTT ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm thực hiện hành vi nhất định”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/5/2021, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Trần B kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị N (chết).

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguồn gốc thửa 0169M với 3.210m² đất, tờ thứ 431 tại xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên do chính quyền chế độ cũ cấp năm 1972 cho bà Trần Thị N (mẹ ông B). Ông Trần B khai hoang thêm

khoảng 17.000m², tổng cộng hơn 23.175,6m² theo bản đồ địa chính đo đạc ngày 30/12/2020. Nguyên đơn cho rằng vào năm 1976, Trường THCS B (Trường THPT P cũ) mượn diện tích nêu trên làm sân bóng đá cho Trường nhưng không có chứng cứ để chứng minh, trong khi không được trường Trường THCS B thừa nhận. Thực tế, từ trước đến nay nguyên đơn không trực tiếp quản lý, sử dụng đất, không đăng ký kê khai, không đứng tên trong sổ địa chính làm căn cứ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30-11-2001 của Tổng cục Địa chính quy định về việc đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Công văn số 272/UBND ngày 26/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã X thể hiện: “*Ủy ban nhân dân xã X không lưu trữ bất cứ bản đồ nào về đất đai từ trước năm 1975 của chế độ cũ*”. Như vậy, không có căn cứ pháp lý xác định vị trí thửa 0169M, tờ thứ 431 theo Chứng thư ngày 30/01/1972 như bà Nguyễn Thị N trước đây cung cấp.

[2] Ông Nguyễn Thanh T, người đại diện Trường THCS B cho rằng trước đây Trường phổ thông cấp 2-3 P (Trường THCS B) quản lý, sử dụng thửa đất từ năm 1976 đến khi ông Trần B vào trồng cây năm 2018. Ngày 25/8/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, UBND xã X tiến hành kiểm tra hồ sơ, hiện trạng sử dụng đất của Trường xác định khu đất diện tích 45.626m², có giới cận: Đông giáp đường liên xã; Tây giáp khu dân cư; Nam giáp đường đi; Bắc giáp đường đi. Đối chiếu theo sơ đồ địa chính lập năm 1993, diện tích 45.626m² nêu trên bao gồm thửa đất số 277, diện

tích 35.850,0m², tờ bản đồ số 19 (đo đạc năm 1993). Năm 2011, UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1597/QĐ-UBND về việc thu hồi điều chuyển cơ sở cũ và tài sản cố định của Trường phổ thông cấp 2-3 P giao cho Trường THCS B thuộc UBND thị xã C quản lý, sử dụng. Ngày 12/12/2008, Trường Phổ thông cấp 2-3 P được UBND tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 498999 đối với thành thửa đất số 01, tờ bản đồ 00, diện tích 45.626m² và trên đất có trồng cây, đồ đường để phân ranh giới và tu bổ, xây dựng các hạng mục phục vụ dạy học của nhà trường. Trong Sổ mục kê ruộng đất của UBND xã X đã xác nhận là đất xây dựng của Trường cấp 2-3 Quang Trung có phía Bắc giáp đất nghĩa địa và một phần thửa số 105 với 161.940,0m², tờ bản đồ số 19 là đất nghĩa địa do UBND xã X quản lý, sử dụng. Như vậy, theo quy định pháp luật về đất đai, Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng như cấp sơ thẩm đã nhận định là đúng pháp luật.

[3] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 498999: Như phân ở phần [2], Trường THCS B được Nhà nước giao đất đúng quy định pháp luật nên không có căn cứ hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Trường THCS B. Ngoài ra, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện trên đất có 30 cây keo lá tràm, 10 cây đào, 01 cây dương, 04 ngôi mộ (chưa xác định thân nhân) nhưng các bên không tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là chính xác.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Trần B, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Đơn kháng cáo của ông Trần B không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trần B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003, khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013.

Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N (đã chết) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Trần B, Trần Thị T, Trần Thị L,

Trần Thị N, Trần Thị H, Trần Thị H và Trần Văn L đề nghị buộc Trường trung học cơ sở B trả lại quyền sử dụng đất 23.175,6m² và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AI 498999 ngày 12/12/2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp cho Trường phổ thông cấp 2-3 P (Trường THCS B) với diện tích 45.626m², tọa lạc thôn C, xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Trường trung học cơ sở B được quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 498999 ngày 12/12/2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp đối với thửa đất số 01, thuộc tờ bản đồ 00, diện tích 45.626m²; mục đích sử dụng: Đất cơ sở giáo dục đào tạo; có giới cận: Đông giáp đường liên xã, Tây giáp khu dân cư, Nam giáp đường đi, Bắc giáp đường đi tại thôn C, xã X, thị xã Sông cầu, tỉnh Phú Yên (có bản đồ thửa đất kèm theo).

Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 348/2020/QĐ-BPKCTT ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm thực hiện hành vi nhất định”.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c, khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Ông Trần B phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006598 ngày 17/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên. Ông Trần B đã nộp đủ án phí.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/11/2021)/.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án, p. HCTP, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu